

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân, là Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, về việ “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Mỹ C, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Trà Vinh (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Trà Vinh (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Mỹ C trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Năm 1997 bà với ông H kết hôn với nhau, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn hai người sống tại ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Trà Vinh hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng đến khoảng đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường ngày, không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung bà và ông H có con chung là Huỳnh Minh T, sinh năm 1997 đã thành niên, có khả năng lao động, có gia đình sống riêng và Huỳnh Minh T1, sinh ngày 24/6/2007 chưa thành niên, hiện sống

chung với bà nên bà yêu cầu được nuôi tiếp sau khi ly hôn và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Quyền về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản chung: Bà cho rằng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/5/2021, về hôn nhân bà kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn vì không còn thương ông H, không muốn về sống chung với ông H tiếp vì sợ ông H sẽ giết bà như đêm rạng sáng ngày 03/4/2021. Sự việc là ông H cắt cửa vào nhà mẹ của bà dùng dao chém bà và mẹ bà bị thương tích nặng. Sau khi xuất viện bà không dám về nhà mà cùng với mẹ và con trai đến sống nhờ nhà người con gái Huỳnh Minh T tại ấp E, xã F, huyện N, tỉnh Trà Vinh; con chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản bà giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận kết hôn với bà Trần Mỹ C khoảng năm 1997, đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Trà Vinh và cách nay khoảng 02–03 năm hai người không sống chung nhà do mẹ bà C lớn tuổi nên bà C đến sống chung để tiện chăm sóc. Từ đó bà C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nhưng ông không có bắt gặp, việc này làm ông buồn nên ông đi chơi, đánh bạc một thời gian và thiếu nợ tiền nhiều người. Nhưng ông đã ngưng đánh bạc khoảng hơn 01 năm nay, đã bán nhà trả hết nợ, còn dư khoảng 400.000.000đ làm vốn cùng bà C cố gắng làm ăn. Nhưng bà C không chịu mà kiên quyết muốn ly hôn nên cách nay khoảng 02 tháng (không nhớ ngày tháng) sau khi ông uống rượu, bia với vài người bạn đến gần 12 giờ khuya (24 giờ) không ngủ được, lo lắng, căng thẳng, suy nghĩ đến gần sáng, bức xúc ông cầm dao đến nhà mẹ bà C để hù dọa, kêu bà C về nhà mà bà C cương quyết không chịu nên trong lúc say, nhất thời tức giận, không kiềm chế được ông đã đưa dao lên chém bà C mấy cái, mẹ bà C vào can cũng bị ông chém trúng làm cả hai người đều bị thương, bà C bị 30% tỷ lệ thương tích, mẹ bà C ông không biết. Vì thương vợ, thương con, sợ ly hôn con sẽ khổ nên ông không đồng ý ly hôn theo bà C yêu cầu.

Về con chung: Ông thừa nhận có 02 con chung là Huỳnh Minh T, sinh năm 1997 đã thành niên có gia đình sống riêng và Huỳnh Minh T1, sinh ngày 24/6/2007 chưa thành niên hiện sống chung với bà C, nguyện vọng của con như thế nào thì Tòa quyết định thế đó.

Quyền chung về tài sản chung: Ông thống nhất theo bà C là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung tài sản chung: Ông cũng cho rằng không có nên cũng không yêu cầu.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Mỹ C cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con chung. Đồng thời Tòa án có lấy lời khai đối với ông H và bà C, hai người không yêu cầu được cung cấp tài liệu chứng cứ, cũng không yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử nguyên đơn chấp hành có mặt theo thông báo, giấy triệu tập tham gia đầy đủ, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà C trình bày: Về hôn nhân: năm 2002 bà với ông H tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định. Sau đó, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H không quan tâm vợ, con, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình, nhiều lần bà khuyên giải mà ông H không nghe nên bà yêu cầu ly hôn; Về con chung có 02 người là Huỳnh Minh T, sinh năm 1997 và Huỳnh Minh T1, sinh ngày 24/6/2007. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu Tài theo nguyện vọng của cháu và không yêu cầu ông H cấp dưỡng, còn cháu Thu thì đã thành niên nên không yêu cầu về việc nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2021: Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung. Ông không đồng ý ly hôn theo bà C yêu cầu vì còn thương vợ thương con. Ông cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vì ông nghi ngờ bà C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác làm ông buồn nên thường xuyên đi chơi, đánh bài dẫn đến thiếu nợ nần.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn cũng có đề nghị xét xử vắng mặt và không đồng ý ly hôn. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu khác.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, phiên tòa vắng mặt các đương sự. Xét thấy: Bà C với ông H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn ông, bà sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, cho thấy cả hai không thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà C yêu cầu ly hôn có cơ sở chấp nhận.

Đối với con chung, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/01/2021 cháu Tài trình bày nếu cha, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên thiết nghĩ để bà C được quyền nuôi con là phù hợp nguyện vọng của cháu. Riêng Huỳnh Minh T,

sinh 1997 đã trưởng thành nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Trần Mỹ C được ly hôn với ông Huỳnh Văn H; Về con chung, giao cháu Huỳnh Minh T1, sinh ngày 24/6/2007 cho bà Trần Mỹ C tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Huỳnh Minh T1 và bà C không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét, giải quyết.

Án phí đề nghị buộc bà Trần Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Trần Mỹ C, ông Huỳnh Văn H và hai con chung là Huỳnh Minh T, Huỳnh Minh T1 là có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Trần Mỹ C và ông Huỳnh Văn H kết hôn với nhau năm 1997 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Trà Vinh theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của bà C với ông H là hợp pháp. Bà C kiên quyết yêu cầu ly hôn nguyên nhân do không còn tình cảm với ông H và không còn sống chung từ 02 – 03 năm. Nhận thấy, trước khi xét xử Tòa án có thông báo hoà giải để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2021 ông H thừa nhận tất cả những mâu thuẫn, cự cãi giữa ông với bà C là có thật, xác nhận nguyên nhân vợ chồng không hạnh phúc một phần do bà C không chung thủy làm ông buồn nên thường đi đánh bạc và khi bà C kiên quyết đòi ly hôn, thì ông đã có hành động tiêu cực dùng dao chém làm bà C, mẹ bà C bị thương tích nặng phải nhập viện điều trị. Điều này chứng minh tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể quay lại sống chung và mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà C được ly hôn với Hoàng.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, bà Trần Mỹ C và ông Huỳnh Văn H cùng khai có con chung là Huỳnh Minh T, sinh năm 1997 hiện đã thành niên, có khả năng lao động và có gia đình sống riêng. Đối với Huỳnh Minh T1, sinh ngày 24/6/2007 hiện sống chung với bà C, tại đơn trình bày ngày 25/01/2021 Huỳnh Minh T1 có nguyện vọng sống chung với bà C nên bà C yêu cầu nuôi tiếp

và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu Huỳnh Minh T1 chưa thành niên, sống chung với bà C, theo nguyện vọng của Huỳnh Minh T1 yêu cầu ở với bà C, ông H không phản đối. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huỳnh Minh T1 cho bà C được quyền nuôi tiếp.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có giải thích cho các đương sự rõ về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng bà C không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về quyền đối với tài sản chung: Bà Trần Mỹ C và ông Huỳnh Văn H thống nhất không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Bà Trần Mỹ C và ông Huỳnh Văn H đều xác nhận không có, không yêu cầu gì khác nên không giải quyết.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ C.

Về hôn nhân: Cho bà Trần Mỹ C được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Huỳnh Minh T1, sinh ngày 24/6/2007 cho bà Trần Mỹ C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của Huỳnh Minh T1 cũng yêu cầu được ở chung với bà Trần Mỹ C.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi

con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về quyền đối với tài sản chung: Không giải quyết.

Về nhà vụ đối với tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Trần Mỹ C chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000637 ngày 30/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà Trần Mỹ C đã nộp đủ án phí, không phải nộp tiếp. Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Hồng Nga